

**Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**  
**(Tập đính kèm trên Hệ thống)**

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: Khu Quản lý đường bộ I: số 4 Thành công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội; Số tài khoản: 9527.1.1119344 Email: ktkhk2@gmail.com
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Dự án bao gồm: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn: Km348+866 - Km349+800 (T+P), Km349+800 - Km350+500 (P), Km350+500 - Km351+200 (T+P), Km351+900 - Km352+600 (T+P), Km352+600 - Km352+750 (T+P), Km352+750 - Km353+000 (P), Km353+000 - Km353+500 (T+P), Km353+500 - Km355+200 (P), Km355+200 - Km356+800 (T+P), Km356+800 - Km358+100 (T+P), Km358+100 - Km358+600 (P), Km358+600 - Km359+200 (T+P), Km359+200 - Km359+900 (T), Km359+900 - Km360+000 (T+P), Km360+000 - Km360+600 (P), Km361+300 - Km361+540 (T+P), Km361+540 - Km362+00 (T+P), Km362+00 - Km365+390 (T), Km366+210 - Km366+300 (P+T), Km366+300 - Km367+300 (P), Km367+300 - Km367+400 (P+T), Km367+400 - Km368+400 (P); Xử lý điểm mất ATGT tại Km363+300; Bổ sung, sửa chữa rãnh thoát nước: Km349+350 - Km350+300 (P), Km348+950 - Km349+650 (T), Km359+930 - Km360+524 (P), Km362+800 - Km363+010(T), Km363+387 - Km363+680 (T), Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa.
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: Quốc lộ 1, tỉnh Thanh Hóa và được xác định trong Bản vẽ kèm theo Quyết định số 1537/QĐ-CĐBVN ngày 31/10/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc duyệt dự án/thiết kế BVTC.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: 180 ngày
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 180 ngày <i>[Không quy định hoàn thành từng phần]</i>
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: ngày được nêu trong thông báo khởi công
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
<b>E-ĐKC 1.29</b>	Tư vấn quản lý dự án là: Thực hiện giao nhiệm vụ, ủy quyền Quản lý dự án của cấp Cơ quan có thẩm quyền/cấp quyết định đầu tư và sẽ

	<p>được cập nhật xác định trong bước hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc thông báo của Chủ đầu tư.</p> <p>Tư vấn giám sát là: Sẽ được cập nhật xác định trong bước hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc thông báo của Chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Không quy định
<b>E-ĐKC 2.3 (i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <i>[liệt kê tài liệu]</i>.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ sơ mời thầu, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</li> <li>2. Hồ sơ dự thầu, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</li> <li>3. Hồ sơ Báo cáo KT-KT hoặc Hồ sơ Thiết kế BVTC được duyệt;</li> <li>4. Thuyết minh thiết kế hoặc Chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có);</li> <li>5. Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;</li> <li>6. Các văn bản pháp lý phê duyệt dự án, gói thầu;</li> <li>7. Các phụ lục Hợp đồng;</li> <li>8. Bảng tổng hợp giá dự thầu;</li> <li>9. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng;</li> <li>10. Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có).</li> </ol>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>03%</b> giá hợp đồng.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết 28 ngày sau khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm <b>07 ngày</b> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn <b>28 ngày</b> kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định và Chủ đầu tư nhận được bảo đảm bảo hành.</p>
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá <b>03 ngày</b>, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>

<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu <b>03 ngày</b> , trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: <b>05 ngày</b> kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá <b>03 ngày</b> , kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: ..... <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng. <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].</i> - Nhà thầu phụ phải có tên trong HSDT ban đầu hoặc là nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận/chỉ định trong thời gian thực hiện hợp đồng. - Nhà thầu chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng với năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ. - Nội dung hợp đồng thầu phụ phải đáp ứng yêu cầu là thống nhất, đồng bộ với nội dung hợp đồng Nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư. - Chủ đầu tư được quyền chỉ định nhà thầu phụ khi Nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi chủ đầu tư đã yêu cầu. - Nhà thầu phụ không được thực hiện những hạng mục có khối lượng lớn, tính chất kỹ thuật phức tạp. - Việc huy động nhà thầu phụ cho gói thầu phải được CĐT chấp thuận.
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình <b>730 ngày</b> , kể từ khi công trình được nghiệm thu hoàn thành. Yêu cầu về bảo hành công trình: Sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình, Nhà thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian **24** tháng (căn cứ quy định thời gian bảo hành theo Văn bản số 4053/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 04/8/2016 của Tổng cục ĐBVN (nay là Cục ĐBVN));

- Tiền bảo hành công trình là 05% (năm phần trăm) giá trị quyết toán hợp đồng, được lấy từ tiền giữ lại (05%) sau mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu và được chuyển vào Tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư số 3741.0.1119344.92999, tại Ban Giao dịch thuộc KBNN.

- Trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo hành công trình bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thì Chủ đầu tư sẽ hoàn trả tiền giữ lại sau mỗi lần thanh toán (05%) cho Nhà thầu khi Nhà thầu đã nộp bảo lãnh bảo hành; Nhà thầu phải nộp bảo lãnh bảo hành của một ngân hàng được Chủ đầu tư chấp thuận cho công trình để thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh phải kéo dài hơn thời gian bảo hành công trình là 01 tháng.

- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên mời thầu có quyền đơn phương thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. Ngoài ra, nhà thầu bị đánh giá là không hoàn thành Hợp đồng, báo cáo Bộ Xây dựng, Cục ĐBVN cấm không tham gia đấu thầu các dự án do Bộ Xây dựng, Cục ĐBVN quản lý;

- Quy định về thời gian bảo hành đối với hạng mục công việc đã sửa chữa trong thời gian bảo hành: Đối với hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, trong quá trình thi công sửa chữa có khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố, hư hỏng đã được nhà thầu sửa chữa, khắc phục thì thời gian bảo hành đối với khối lượng, số lượng phải sửa chữa khắc phục lại được xác định như sau:

i/ Thời gian bảo hành bổ sung đối với các khối lượng sửa chữa không ít hơn 12 tháng nhưng không được kết thúc trước thời gian bảo hành của hợp đồng;

	<p>ii/ Hạng mục công việc có <math>\geq 15\%</math> khối lượng phải sửa chữa trong thời hạn bảo hành, hoặc hạng mục có vi phạm chất lượng nghiêm trọng thì thời hạn bảo hành đối với khối lượng làm lại được tính từ khi hoàn thành việc sửa chữa lại (được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát xác nhận);</p> <p>- Trách nhiệm của nhà thầu: Nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành. Trường hợp có tranh chấp giữa nhà thầu với cơ quan quản lý, chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng để xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu.</p> <p>Nếu lỗi do nhà thầu thì nhà thầu phải chịu cả chi phí giám định, kiểm định, đánh giá;</p> <p>- Xử lý khi nhà thầu vi phạm chất lượng: Nhà thầu thi công hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị có vi phạm chất lượng, ngoài việc phải sửa chữa trong thời gian bảo hành, còn bị xem xét về uy tín của nhà thầu khi đánh giá lựa chọn nhà thầu trong các dự án khác của Cục ĐBVN;</p> <p>- Xác nhận hết thời gian bảo hành: Khi hết thời gian bảo hành công trình, nhà thầu phải lập báo cáo hoàn thành công tác bảo hành gửi Chủ đầu tư xem xét. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu bằng văn bản và hoàn trả tiền bảo hành (hoặc giải tỏa thư bảo lãnh bảo hành của ngân hàng có giá trị tương đương) cho các nhà thầu trong trường hợp kết quả kiểm tra, nghiệm thu việc thực hiện bảo hành.</p>
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về Công trường là: Được nêu tại Hồ sơ thiết kế được duyệt.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Khi có thông báo của Chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Các bên tự thương lượng, hòa giải trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa giải. Trong trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án) là quyết định của cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	

<p><b>E-ĐKC 28</b></p>	<p>- Ngày khởi công: Kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho nhà thầu.</p> <p><i>Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật và có được giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền cho gói thầu; Chủ đầu tư sẽ ưu tiên, hỗ trợ ở mức cao nhất có thể cho Nhà thầu trong thực hiện thủ tục xin phép xây dựng, nhưng trách nhiệm chính và cuối là thuộc Nhà thầu; Nhà thầu phải đảm bảo để đáp ứng điều kiện khởi công; việc nhà thầu không đáp ứng các điều kiện khởi công làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng sẽ bị coi là nhà thầu đang vi phạm hợp đồng với Chủ đầu tư.</i></p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 180 ngày kể từ ngày khởi công.</p>
<p><b>E-ĐKC 29.1</b></p>	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <b>07</b> ngày từ ngày ký Hợp đồng. Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm đầy đủ nội dung theo quy định và phù hợp với E-HSMT, trong đó xác định rõ các mốc tiến độ các hạng mục công việc chính của gói thầu (thời gian chuẩn bị, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành). Biểu tiến độ thi công chi tiết được chấp thuận là cơ sở quản lý và xử lý vi phạm hợp đồng nêu trên. Trường hợp nhà thầu bị chậm tiến độ, nhà thầu phải lập, trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật để bù đắp thời gian bị chậm theo cam kết của nhà thầu.</p> <p>Biểu tiến độ thi công chi tiết phải thể hiện các mốc tiến độ hoàn thành quan trọng của gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Lập kế hoạch chi tiết: Xây dựng tiến độ tổng thể gói thầu và tiến độ chi tiết theo từng hạng mục;</i></li> <li>+ <i>Xác định mốc kiểm soát/mốc hoàn thành: quy định rõ các mốc tiến độ hoàn thành, lũy kế giá trị thực hiện của dự án theo các mốc thời gian thực hiện gói thầu là 50%, 70%, 90% .</i></li> <li>+ <i>Cơ chế báo cáo: Nhà thầu phải báo cáo tiến độ định kỳ (tuần/tháng) và phát hiện các chậm trễ, nguyên nhân, có các giải pháp kịp thời.</i></li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 29.4</b></p>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Nhà thầu phải định kỳ <b>15 ngày</b> cập nhật lại bảng tiến độ thi công chi tiết và trình Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: <b>0,1% (không phải một phần trăm)</b> giá trị hợp đồng cho mỗi ngày nộp muộn.</p>
<p><b>E-ĐKC 30.7</b></p>	<p>Các trường hợp khác:</p>

	<p>1. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận về các trường hợp được điều chỉnh tiến độ. Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của hợp đồng, các bên phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.</p> <p>2. Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;</p> <p>d) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;</p>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>1. Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p>Vật tư, thiết bị đưa vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và tuân thủ những yêu cầu của gói thầu được nêu trong chỉ dẫn kỹ thuật/thuyết minh thiết kế; gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thép xây dựng và xi măng phải có Giấy chứng chỉ chất lượng hoặc lý lịch lô sản phẩm và giấy tờ tương ứng.</li> <li>- Đối với nhựa đường phải có chứng chỉ chất lượng hoặc giấy tờ xuất xứ lô hàng, nguồn gốc.</li> <li>- Đối với các vật liệu xây dựng (VLXD) khai thác từ các mỏ thiên nhiên (cát, đá, đất) phải kê khai tên mỏ, địa điểm khai thác sản xuất VLXD cung cấp cho gói thầu.</li> <li>- Các thiết bị lắp đặt vào công trình (mua sắm cho công trình này) nếu có phải xuất trình các loại giấy tờ: catalo, giấy tờ xuất, nhập khẩu, thuế nhập khẩu, hồ sơ lý lịch máy, hướng dẫn vận hành khai thác, bảo dưỡng và các chứng chỉ an toàn (nếu có quy định của pháp luật).</li> </ul> <p>2. Trách nhiệm của Nhà thầu thi công đối với việc kiểm soát tải trọng xe và kích thước thùng hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các phương tiện vận chuyển của mình trên công trường (kể cả phương tiện của các đơn vị cung ứng vật liệu), phương tiện đi thuê, mượn đảm bảo việc tuân thủ theo các quy định về kích thước thùng hàng, tải trọng quy định đối với phương tiện.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tiếp nhận vật tư, vật liệu của các xe vi phạm về kích thước thùng hàng và chở hàng vượt quá tải trọng quy định do các đơn vị cung cấp; Không bốc xúc, xếp vật tư, vật liệu cho xe quá tải, xe vi phạm kích thước thùng hàng.</li> <li>- Các phương tiện vận chuyển của Nhà thầu trên công trường (kể cả phương tiện của các đơn vị cung ứng vật liệu) phải đăng ký biển số xe, trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông với TVGS, Ban QLDA, Chủ đầu tư.</li> <li>- Hàng ngày phải ghi nhật ký các phương tiện ra, vào công trường; số lượng xe sử dụng; số chuyến vận chuyển; loại hàng hóa và khối lượng hàng hóa vận chuyển cho từng phương tiện theo biển số đăng ký (kể cả vận chuyển vật liệu đổ thải).</li> </ul>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
<b>E-ĐKC 41.1</b>	<p>Giá hợp đồng: Cố định</p> <p>Hợp đồng theo đơn giá cố định có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng đã ký) và đơn giá cố định quy định tại hợp đồng.</p> <p>Chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh; đối với việc bổ sung những khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng nhưng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.</p>
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm ứng: Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu <b>30% giá trị hợp đồng</b>, việc tạm ứng được thực hiện một lần sau khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của Nhà thầu với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, nhưng không vượt quá kế hoạch vốn được giao cho dự án hàng năm.</li> <li>Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên, mức thu hồi bằng <b>35% (năm mươi phần trăm)</b> giá trị khối lượng đề nghị thanh toán từng lần và tiền tạm ứng sẽ được thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt <b>80% (tám mươi phần trăm)</b> giá trị hợp đồng. Trường hợp do nguyên nhân nào đó, không thuộc trách nhiệm của Nhà thầu, mà tư vấn giám sát và Chủ đầu tư đánh giá thấy</li> </ul>

	<p>không thể thực hiện được đến <b>80% (tám mươi phần trăm)</b> khối lượng hợp đồng thì sẽ tiến hành thương thảo để thực hiện thu hồi hết tiền tạm ứng. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng của Nhà thầu.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán: chuyển khoản</li> <li>- Việc thanh toán phải phù hợp các điều kiện trong hợp đồng;</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Nguồn vốn thanh toán và tiến độ thanh toán tuân theo kế hoạch bố trí vốn của dự án; trường hợp kế hoạch vốn của dự án chưa được bố trí, thì trong mọi trường hợp Bên A sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng;</li> <li>- Trong trường hợp có các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước thanh tra, kiểm toán công trình, gói thầu, Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan và phối hợp cùng Bên A giải trình. Trường hợp không giải trình được dẫn đến giá trị hợp đồng bị giảm trừ, Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A giá trị bị giảm trừ trong thời hạn tối đa không quá 15 ngày kể từ ngày có văn bản thu hồi.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng và nhà thầu đã đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của hợp đồng; và trong mọi trường hợp chủ đầu tư sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng;</li> <li>- Hồ sơ thanh toán/Chứng chỉ thanh toán tạm thời: <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Biên bản nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA, Tư vấn giám sát, đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng thi công phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, phụ lục bảng giá hợp đồng, khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, hồ sơ chất lượng được tư vấn kiểm tra xác nhận và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật;</li> <li>(2) Đề nghị thanh toán cần thể hiện các nội dung: giá trị thanh toán cuối kỳ trước, giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng tại kỳ thanh toán, giá trị tiền tạm ứng thu hồi, giá trị tiền tạm ứng chưa thu hồi, tiền giữ lại, giảm trừ phạt trừ (nếu có)... giá trị nhà</li> </ul> </li> </ul>

	<p>thầu thực nhận đảm bảo phù hợp với điều kiện hợp đồng và được xác nhận của nhà thầu, tư vấn giám sát, Chủ đầu tư.</p> <p>(3) Chủ đầu tư có quyền xem xét tạm dừng thanh toán trong trường hợp phát hiện nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định, điều kiện hợp đồng; việc nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, trì hoãn kéo dài việc khắc phục các sai sót, các vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, an toàn, đem đến các rủi ro cho chủ đầu tư, ảnh hưởng đến uy tín chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: <b>05%</b> (Năm phần trăm)
<b>E-ĐKC 47.1 (d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp các khối lượng sửa chữa thực tế tăng so với khối lượng trong hợp đồng hoặc phát sinh hạng mục mới dẫn đến phải điều chỉnh giá hợp đồng. Khi đó đơn vị TVTK, nhà thầu thi công, TVGS, lập biên bản bản xác nhận các khối lượng thay đổi, đề xuất giải pháp xử lý, trình Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền quyết định; sau khi được chấp thuận, TVTK triển khai lập hồ sơ thiết kế BVTC điều chỉnh, trình chủ đầu tư phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.</li> <li>- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 47.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu <b>30%</b> giá trị giảm giá hợp đồng</p> <p><i>[nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%].</i></p>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>1) Mức phạt: Nhà thầu vi phạm về tiến độ/thời hạn thực hiện gói thầu mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, Nhà thầu bị phạt 0,2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày vi phạm. Tổng giá trị phạt tối đa không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Trường hợp nhà thầu vi phạm được xác định có tổng lũy kế giá trị phạt vượt 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, đối với nhà thầu là thành viên liên danh vi phạm được xác định có tổng lũy kế giá trị phạt vượt 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm thành viên liên danh đảm nhận, thuộc trường hợp phải chấm dứt hợp</p>

đồng với nhà thầu/thành viên liên danh do lỗi của nhà thầu/thành viên liên danh, việc xử lý nhà thầu/thành viên liên danh thực hiện theo quy định của hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu/thành viên liên danh vi phạm, chấm dứt hợp đồng nhà thầu/ thành viên liên danh vi phạm, vi phạm của nhà thầu/thành viên liên danh bị đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định. Phần khối lượng còn lại của nhà thầu/thành viên liên danh vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật về đấu thầu:

(i) Điều chuyển cho thành viên liên danh còn lại thực hiện với điều kiện đáp ứng yêu cầu năng lực kinh nghiệm của phần công việc điều chuyển; trường hợp tất cả các thành viên còn lại từ chối không thực hiện hoặc không đủ năng lực kinh nghiệm thực hiện thì toàn bộ nhà thầu liên danh được coi là vi phạm hợp đồng do lỗi của nhà thầu và bị xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu/nhà thầu liên danh, chấm dứt hợp đồng với nhà thầu/nhà thầu liên danh, vi phạm của nhà thầu/nhà thầu liên danh bị đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

(ii) Thực hiện thủ tục ký hợp đồng mới với nhà thầu khác đáp ứng năng lực kinh nghiệm theo quy định của pháp luật đấu thầu để thi công hoàn thành gói thầu.

2) Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ sẽ bị xử lý như sau:

a) Vi phạm tiến độ lần đầu: Khi nhà thầu chậm tiến độ so với Biểu tiến độ thi công chi tiết, trong vòng 03 ngày kể từ khi xác định thấy việc vi phạm tiến độ sẽ ảnh hưởng đến các mốc hoàn thành các hạng mục chính, Chủ đầu tư đưa ra thông báo phê bình nhà thầu, đồng thời yêu cầu nhà thầu có cam kết khắc phục, đẩy nhanh tiến độ. Tại bước này chưa áp dụng phạt vi phạm tiến độ của hợp đồng, nhưng sẽ xác định giá trị vi phạm chậm tiến độ của nhà thầu/thành viên liên danh và phát hành thông báo vi phạm của nhà thầu/thành viên liên danh (liệt kê chi tiết các lỗi vi phạm) tới người đại diện pháp luật của nhà thầu/ đại diện pháp luật của tất cả các thành viên liên danh, Ngân hàng bảo lãnh khoản tạm ứng, bảo đảm thực hiện hợp đồng. Việc kiểm tra nhà thầu khắc phục vi phạm tiến độ sẽ thực hiện trong vòng 05 ngày kể từ ngày có thông báo vi phạm lần 1 để xác định nhà thầu vi phạm lần 2.

b) Vi phạm tiến độ lần thứ 2: Trong vòng 03 ngày kể từ khi xác định việc vi phạm tiến độ lần thứ 2, Bên giao thầu đi kiểm tra việc khắc phục tiến độ chậm theo tiến độ mới đã cập nhật và cam kết của nhà thầu, nếu nhà thầu vẫn tiếp tục vi phạm tiến độ, Chủ đầu tư sẽ phát hành văn bản khiển trách nhà thầu, yêu cầu nhà thầu nghiêm túc thực hiện việc đẩy nhanh tiến độ thi công, bằng các biện pháp tăng cường mũi thi công, tăng cường nhân sự, thiết bị, tài chính... và chưa áp dụng phạt vi phạm tiến độ của hợp đồng nhưng xác định lũy kế giá trị vi phạm chậm tiến độ của nhà thầu/thành viên liên danh và phát hành thông báo vi phạm

của nhà thầu/thành viên liên danh (liệt kê chi tiết các lỗi vi phạm) tới người đại diện pháp luật của nhà thầu/ đại diện pháp luật của của tất cả các thành viên liên danh, Ngân hàng bảo lãnh khoản tạm ứng, bảo đảm thực hiện hợp đồng. Việc kiểm tra nhà thầu khắc phục vi phạm sẽ thực hiện trong vòng 05 ngày kể từ ngày có thông báo vi phạm lần 2 để xác định nhà thầu vi phạm lần 3.

c) Vi phạm tiến độ lần thứ 3 trở đi: Trong vòng 03 ngày kể từ khi xác định việc vi phạm tiến độ lần thứ 3, Chủ đầu tư đi kiểm tra việc khắc phục tiến độ chậm theo tiến độ mới đã cập nhật và cam kết của nhà thầu, nếu nhà thầu vẫn tiếp tục vi phạm tiến độ, Chủ đầu tư sẽ phát hành văn bản cảnh cáo nhà thầu, yêu cầu nhà thầu nghiêm túc thực hiện việc đẩy nhanh tiến độ thi công, bằng các biện pháp tăng cường mũi thi công, tăng cường nhân sự, thiết bị, tài chính... và thực hiện áp dụng phạt vi phạm tiến độ của hợp đồng theo giá trị vi phạm chậm tiến độ (được lũy kể từ vi phạm tiến độ lần 1) của nhà thầu/thành viên liên danh và phát hành thông báo giá trị phạt vi phạm của nhà thầu/thành viên liên danh (liệt kê chi tiết lần vi phạm, các lỗi vi phạm, giá trị phạt vi phạm) tới người đại diện pháp luật của nhà thầu/ đại diện pháp luật của của tất cả các thành viên liên danh, Ngân hàng bảo lãnh khoản tạm ứng, bảo đảm thực hiện hợp đồng. Thông báo giá trị phạt vi phạm và cách tính giá trị vi phạm được Tư vấn giám sát, Ban QLDA áp dụng và thực hiện khấu trừ, ghi rõ trong hồ sơ nghiệm thu thanh toán của nhà thầu/thành viên liên danh vi phạm.

Việc kiểm tra nhà thầu khắc phục vi phạm từ lần thứ 3 sẽ thực hiện trong vòng 05 ngày kể từ ngày có thông báo vi phạm tiếp theo, thực hiện phạt vi phạm hợp đồng và quá trình này được lặp lại, giá trị phạt được lũy kế cho các ngày chậm tiến độ và dừng ở mức tối đa 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm của nhà thầu/thành viên liên danh vi phạm đảm nhận trong hợp đồng tại thời điểm vi phạm.

Khi lũy kế giá trị phạt vi phạm tiến độ hợp đồng được thông báo cho nhà thầu vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm của nhà thầu/thành viên liên danh vi phạm đảm nhận trong hợp đồng tại thời điểm vi phạm, thực hiện thủ tục thu hồi giá trị bảo lãnh tạm ứng còn lại, tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm, thông báo chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm theo đúng quy định, phần khối lượng còn lại được thực hiện theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật đấu thầu.

3) Trong quá trình thực hiện hợp đồng trường hợp nhà thầu thi công không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo ATLĐ, không thực hiện đầy đủ biện pháp ĐBGT, VSMT theo quy định bị trừ 10% chi phí công tác ĐBGT (nếu có) cho mỗi lần vi phạm mà Chủ đầu tư/cơ quan có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở. Trong các lần vi phạm, trường hợp Chủ đầu tư ban hành văn bản nhắc nhở, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản nhắc nhở mà nhà thầu không có văn bản

	<p>phản hồi đến Bên giao thầu/chủ đầu tư thì được hiểu là Nhà thầu đã chấp thuận và bị xử lý theo quy định.</p> <p>4) Xử lý với hành vi vi phạm của nhà thầu trong kiểm soát tải trọng xe và kích thước thùng hàng (Quy định tại E-ĐKC 33.2):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vi phạm lần thứ nhất: Nhắc nhở lần thứ nhất đối với Giám đốc điều hành dự án, chỉ huy trưởng công trường và Nhà thầu thi công.</li> <li>+ Vi phạm lần thứ 2: Nhắc nhở lần thứ 2 đối với Giám đốc điều hành dự án, chỉ huy trưởng công trường và Nhà thầu thi công. Tạm đình chỉ thi công cho đến khi Nhà thầu thi công có biện pháp khắc phục và Tư vấn giám sát xác nhận.</li> <li>+ Vi phạm lần thứ 3: Thay thế Giám đốc điều hành dự án, chỉ huy trưởng công trường. Điều chuyển một phần khối lượng thi công cho các Nhà thầu đáp ứng năng lực. Phạt hợp đồng với mức phạt 2% giá trị hợp đồng.</li> <li>+ Vi phạm lần thứ 4: Chấm dứt hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
<b>E-ĐKC 49.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	<p>Thời gian bàn giao công trình: <b>30 ngày</b> kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành. Sau khi hoàn thành công trình, Nhà thầu phải thực hiện hoàn thiện hồ sơ hoàn công, làm các thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo mốc thời gian nêu trên. Trường hợp ngoài thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu phải thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo các quy định của pháp luật bằng kinh phí của nhà thầu.</p> <p>Yêu cầu về bảo hành công trình: Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian <b>24 tháng</b> (Bên mời thầu có thể căn cứ quy định thời gian bảo hành theo Văn bản số 4053/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 04/8/2016 của Tổng cục ĐBVN (nay là Cục ĐBVN));</li> <li>- Tiền bảo hành công trình là 05% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng được lấy từ tiền giữ lại (05%) sau mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo hành công trình bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thì Chủ đầu tư sẽ hoàn trả tiền giữ lại sau mỗi lần thanh toán (05%) cho Nhà thầu khi Nhà thầu đã nộp bảo lãnh bảo hành;</li> <li>- Nhà thầu phải nộp bảo lãnh bảo hành của một ngân hàng được Chủ đầu tư chấp thuận cho công trình để thực hiện nghĩa vụ bảo</li> </ul>

hành.

Thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh phải kéo dài hơn thời gian bảo hành công trình là 01 tháng. Khi hết thời gian bảo hành công trình, nhà thầu phải tiến hành nghiệm thu hết bảo hành công trình theo quy định (phải có biên bản nghiệm thu hết bảo hành);

- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên mời thầu có quyền đơn phương thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Ngoài ra, nhà thầu bị đánh giá là không hoàn thành Hợp đồng, báo cáo Bộ Xây dựng, Cục ĐBVN cấm không tham gia đấu thầu các dự án do Bộ Xây dựng, Cục ĐBVN quản lý;

- Quy định về thời gian bảo hành đối với hạng mục công việc đã sửa chữa trong thời gian bảo hành: Đối với hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, trong quá trình thi công sửa chữa có khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố, hư hỏng đã được nhà thầu sửa chữa, khắc phục thì thời gian bảo hành đối với khối lượng, số lượng phải sửa chữa khắc phục lại được xác định như sau:

i/Thời gian bảo hành bổ sung đối với các khối lượng sửa chữa không ít hơn 12 tháng nhưng không được kết thúc trước thời gian bảo hành của hợp đồng;

ii/Hạng mục công việc có  $\geq 15\%$  khối lượng phải sửa chữa trong thời hạn bảo hành, hoặc hạng mục có vi phạm chất lượng nghiêm trọng thì thời hạn bảo hành đối với khối lượng làm lại được tính từ khi hoàn thành việc sửa chữa lại (được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát xác nhận);

- Trách nhiệm của nhà thầu: Nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành. Trường hợp có tranh chấp giữa nhà thầu với cơ quan quản lý, chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng để xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu. Nếu lỗi do nhà thầu thì nhà thầu phải chịu cả chi phí giám định, kiểm định, đánh giá;

- Xử lý khi nhà thầu vi phạm chất lượng: Nhà thầu thi công hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị có vi phạm chất lượng, ngoài việc phải

	<p>sửa chữa trong thời gian bảo hành, còn bị xem xét về uy tín của nhà thầu khi đánh giá lựa chọn nhà thầu trong các dự án khác của Cục ĐBVN;</p> <p>- Nghiệm thu hết bảo hành: Sau khi hết thời hạn bảo hành, nhà thầu phải tiến hành nghiệm thu hết bảo hành với Chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước khi nghiệm thu bàn giao công trình. Ngoài việc Nhà thầu nộp hồ sơ, tài liệu bản giấy, Nhà thầu còn phải nộp bản scan (định dạng file PDF) để Chủ đầu tư/Ban QLDA lưu trữ.</p>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	<p>Số tiền giữ lại: <b>0,1% (không phải một phần trăm)</b> giá trị hợp đồng cuối cùng cho mỗi ngày, với điều kiện việc chậm trễ trong khâu hoàn thành tài liệu này là do lỗi từ phía Nhà thầu mà không phải là kết quả của những công việc bổ sung do Chủ đầu tư yêu cầu vào giai đoạn cuối Dự án. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành, Nhà thầu không nộp hồ sơ hoàn công, Chủ đầu tư sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và thuê một đơn vị khác làm hồ sơ hoàn công.</p>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>